TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân.
2. Ông Nguyễn Đăng Quang.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Ngọc D, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Ngọc D trình bày:

Chị và bị đơn là anh Trần Văn L chung sống với nhau vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/7/2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại phường N, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 24/11/2012 anh L bị bắt và bị xử phạt chung thân về tội cướp tài sản, do anh L phải chấp hành án phạt tù từ đó nên vợ chồng cũng đã sống ly thân từ thời đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Trong quá trình chung sống chị và anh L có 02 con chung tên là Trần Đinh Ph, sinh ngày 12/01/2007 và Trần Thanh Ph, sinh ngày 25/02/2013. Từ khi anh L bị bắt và sống ly thân cho đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Khi ly hôn, chị có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 08/8/2017, bị đơn là anh Trần Văn L trình bày:

Anh và vợ anh là chị Đinh Ngọc D sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có xảy ra mâu thuẫn nhưng vào đầu năm 2014, anh bị bắt và phải chấp hành án tại Trại giam Châu Bình, chị D có đến thăm anh và có yêu cầu xin ly hôn. Anh thấy rằng anh sẽ không có điều kiện để chung sống và chăm sóc cho vợ con được nữa nên anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung như chị D trình bày, do anh phải chấp hành án không có khả năng trực tiếp nuôi con nên anh đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi con và anh không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và về nợ chung: Anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/8/2017, anh Trần Văn L có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt vì anh đang phải chấp hành án nên không thể tham gia giải quyết vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Anh Trần Văn L là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L.

- *Về nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Ngọc D và anh Trần Văn L chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/7/2010, hôn nhân do tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng của chị D và anh L hạnh phúc được đến năm 2014 thì anh L phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Châu Bình nên vợ chồng anh L và chị D đã sống ly thân với nhau từ thời gian đó cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh chị đã không có thời gian quan tâm chăm sóc với nhau như vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị D có yêu cầu xin được ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L đã trầm trọng vì chị D và anh

L đã ly thân với nhau cách nay từ đầu năm 2012 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ, chăm sóc lẫn nhau như vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, theo yêu cầu xin ly hôn của chị D, anh L cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh L.

Về con chung: Chị D đối với anh L có có 02 con chung tên là Trần Đinh Ph, sinh ngày 12/01/2007 và Trần Thanh Ph, sinh ngày 25/02/2013. Hiện tại, cả 02 cháu đang sống chung với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị D và anh L sống ly thân cho đến nay, chị D vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, các cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó, không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết nên giao cả 02 con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, để các cháu được ổn định tâm sinh lý và việc học hành. Mặt khác, con lớn của anh L và chị D đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến tham khảo của cháu Đinh P, cháu Đinh Ph có nguyện vọng muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn và anh L cũng đồng ý khi ly hôn sẽ giao cả 02 con chung cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D để chị D được trực tiếp tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Đối với việc cấp dưỡng cho con, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của chị D, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Đinh Ngọc D với anh Trần Văn L.

2. *Về con chung:* Chị Đinh Ngọc D và anh Trần Văn L có 02 con chung tên là Trần Đinh Ph, sinh ngày 12/01/2007 và Trần Thanh Ph, sinh ngày 25/02/2013. Giao cả hai con chung cho chị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Trần Văn L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Chị Đinh Ngọc D và anh Trần Văn L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Đinh Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011244 ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện B;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thế Trang Đền